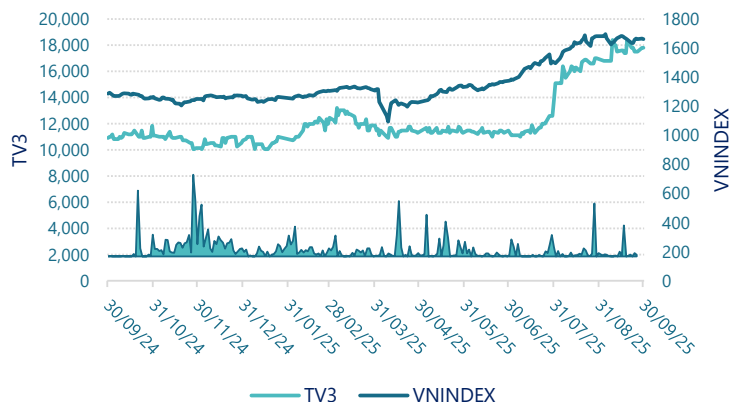


CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3 (HNX: TV3)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,055
SL cổ phiếu LH	9,517,289
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,595
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	169
P/E	7.2
EPS	2,458

DT thuần

Q3/25

115

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 48.3 | 72.1%

YoY: ▲ 87.2 | 313%

LN sau thuế

Q3/25

5.82

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.79 | 187%

YoY: ▲ 5.57 | 2229%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

6.1%

+/- YoY: ▲ 4.2%

DT thuần

9T 2025

223

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 145 | 187%

LN sau thuế

9T 2025

12.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.2 | 1389%

ROE

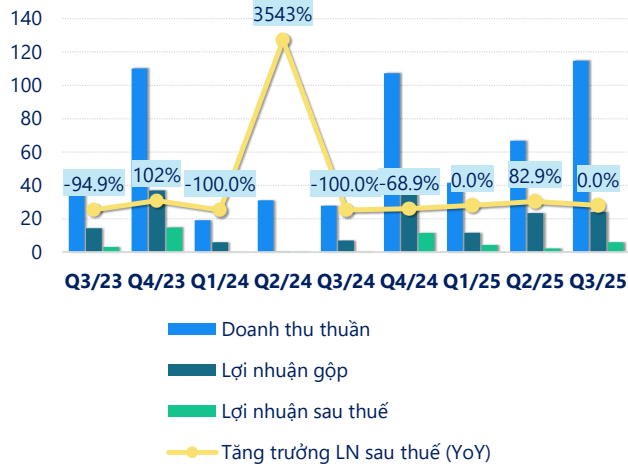
Q3/25

14.9%

+/- YoY: ▲ 4.2%

tỷ VNĐ

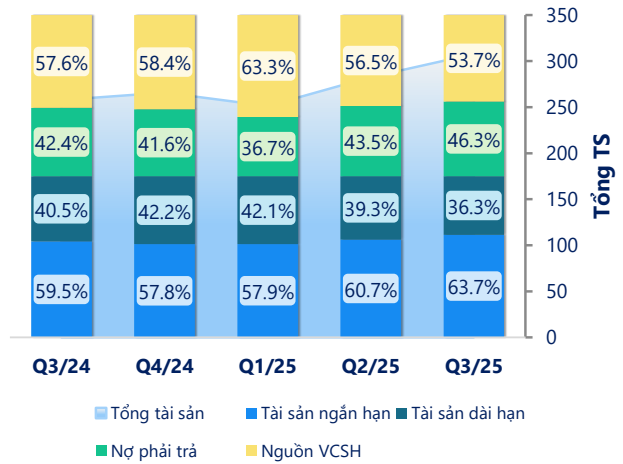
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

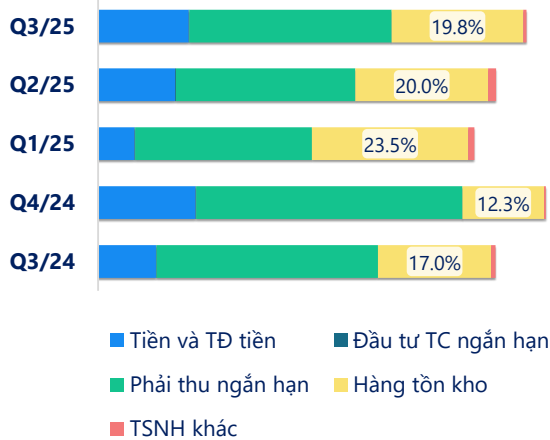
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



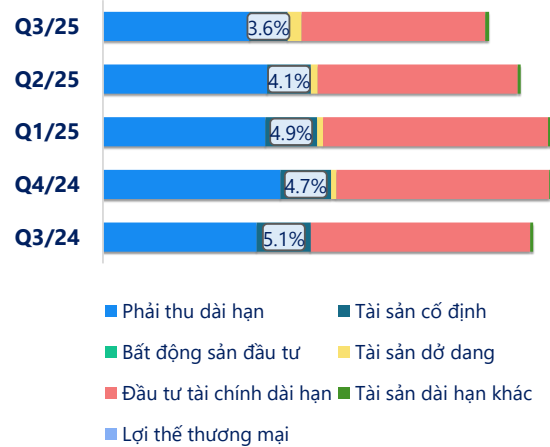
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

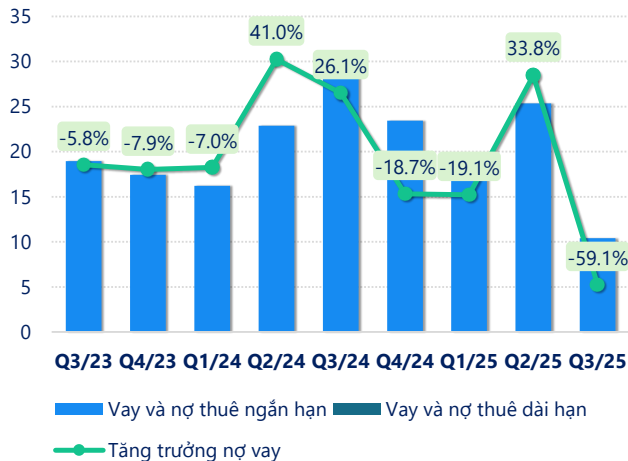
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

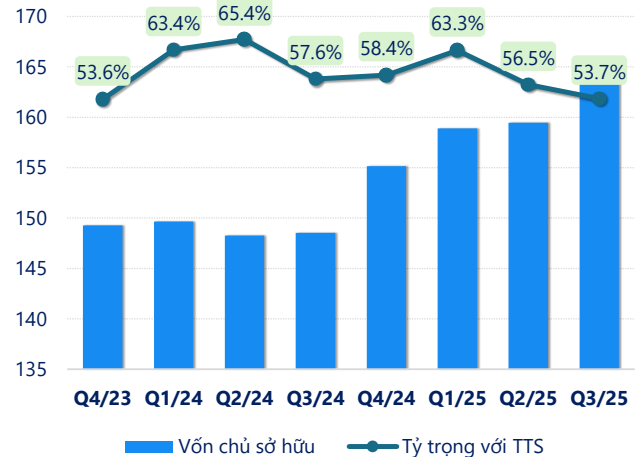
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

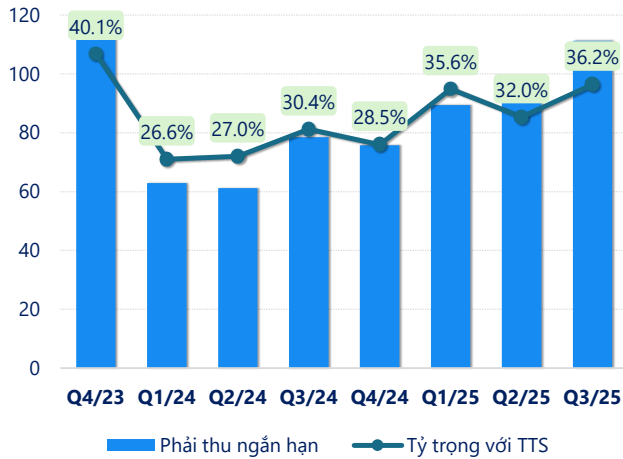
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


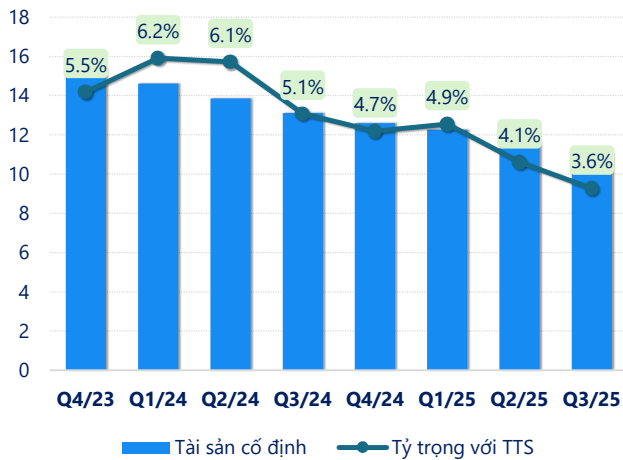
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

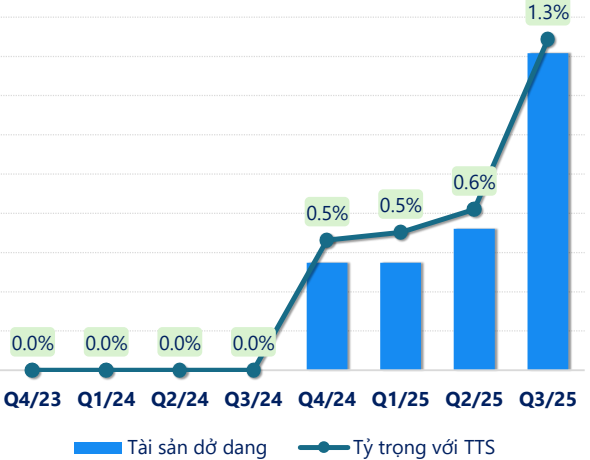

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

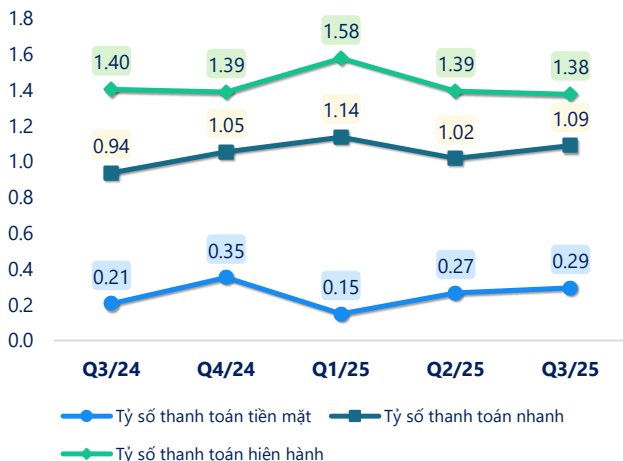
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

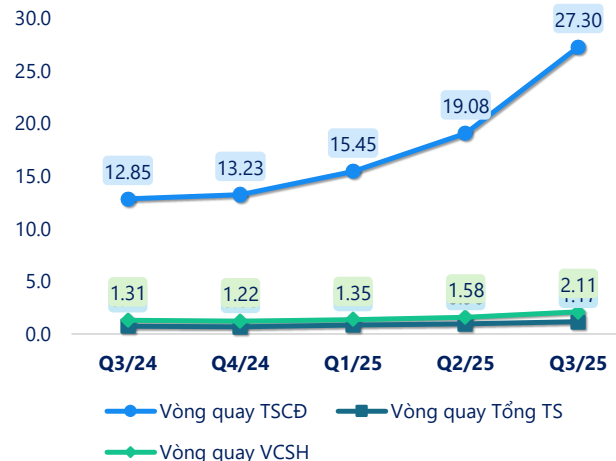
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	258	266	251	282	308
Tài sản ngắn hạn	154	154	145	172	196
Tiền và tương đương tiền	22.5	38.9	13.8	32.7	42.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.22	0.22	0.22	0.22	0.22
Phải thu ngắn hạn	78.5	75.7	89.3	90.4	111
Hàng tồn kho	51.1	37.0	40.6	46.3	40.9
Tài sản ngắn hạn khác	1.26	1.73	1.49	1.78	1.63
Tài sản dài hạn	104	112	106	111	112
Phải thu dài hạn	37.3	44.4	38.3	43.6	42.3
Tài sản cố định	13.1	12.6	12.3	11.6	11.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	1.37	1.37	1.80	4.04
Đầu tư tài chính dài hạn	53.2	53.2	53.2	53.2	53.2
Tài sản dài hạn khác	0.74	0.64	0.62	0.78	1.13
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	109	111	92.2	123	142
Nợ ngắn hạn	109	111	92.2	123	142
Vay và nợ thuê ngắn hạn	28.8	23.4	19.0	25.4	10.4
Phải trả người bán ngắn hạn	10.0	15.4	6.57	16.3	17.2
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	149	155	159	159	165
Vốn chủ sở hữu	149	155	159	159	165
Vốn điều lệ	95.2	95.2	95.2	95.2	95.2
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)